

Bản án số: 01/2024/HSST

Ngày: 04 - 01 - 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân,

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Thùy, nghề nghiệp: Giáo viên;

Bà Nguyễn Thị Thương, nghề nghiệp: Giáo viên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Trang Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 53/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 12 năm 2023, đối với:

Bị cáo Trần Văn T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2005 tại G, Q, Quảng Bình (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 8 tháng 18 ngày); Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn G và bà Phạm Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 9 năm 2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Ninh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị A, nghề nghiệp: Trợ giúp viên; nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình bào chữa cho bị cáo Trần Văn T, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn T: Bà Phạm Thị T (là mẹ của bị cáo), sinh năm 1978, nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ dân phố 2 P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1978; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ dân phố 2P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

2. Anh Trần Văn V, sinh năm 1991; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

3. Chị Hồ Thị Bích G, sinh năm 1992; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn 3 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 50 phút ngày 14/9/2023, tổ tuần tra thuộc Công an huyện Quảng Ninh tiến hành tuần tra đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Quá trình tuần tra tại TDP H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã phát hiện và bắt quả tang Trần Văn T, sinh năm 2005 đang cất giấu trong túi quần bên phải 01 (một) túi nilon màu vàng, bên trong chứa 07 (bảy) viên nén dạng thuốc tân dược màu hồng, Trần Văn T khai nhận toàn bộ số viên nén dạng thuốc tân dược màu hồng là ma túy dạng hồng phiến, T mua từ Trần Văn V (sinh năm 1991, ở thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) về cất giấu để sử dụng. Tổ tuần tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Văn T, thu giữ, niêm phong những tang vật liên quan.

Tại Kết luận giám định số 907/KL-KTH ngày 20/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: 07 (bảy) viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược màu hồng, là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,662g (không phải sáu trăm sáu mươi hai gam). Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 247, Danh mục IIC, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25-8-2022 của Chính phủ.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 14/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Ninh thu giữ: 01 (một) xe mô tô loại ATTLA, màu đỏ, mang BKS: 73D1-040.80, xe đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng.

Tại Bản cáo trạng số 55/CT-VKS, ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh đã truy tố.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh giữ quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật phát biểu quan điểm, luận tội chứng minh bị cáo Trần Văn T đã thực hiện hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,662g. Cáo trạng truy tố có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn T mức án tù 09 đến 12 tháng tù; áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi giám định, trả lại xe mô tô loại ATTLA, màu đỏ, mang BKS: 73D1-040.80 cho bà T; trả lại 01 điện thoại Iphone cho bị cáo.

Người bào chữa cho Bị cáo nhất trí như tội danh, khung hình phạt của Viện kiểm sát truy tố; tuy nhiên đề nghị Hội đồng xem xét bị cáo phạm tội ở độ tuổi vị thành niên, nhận thức còn hạn chế, chưa hình thành đầy đủ tâm sinh lý; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra đã khai báo mua ma túy từ Trần Văn V nên cơ quan điều tra đã khám xét và khởi tố Trần Văn V; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự;

bị cáo có hoàn cảnh gia đình bố chết sớm, bị cáo ở với ông bà nên ảnh hưởng đến tâm lý. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án từ 06-09 tháng tù để bị cáo có cơ hội được tiếp tục học tập làm lại cuộc đời.

Bị cáo Trần Văn T nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên, hối hận về hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo thống nhất, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; phù hợp về thời gian, địa điểm và quá trình diễn biến của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Vào lúc 20 giờ 50 phút ngày 14/9/2023, Trần Văn T tàng trữ trong túi quần bên phải 07 (bảy) viên nén dạng thuốc tân dược màu hồng là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,662 (không phải sáu trăm sáu mươi hai gam) mục đích để sử dụng. Hành vi của Trần Văn T thuộc lỗi cố ý, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo biết ma túy là loại chất gây nghiện có nguy cơ gây hại rất lớn cho xã hội, Nhà nước cấm sử dụng, nhưng bị cáo vẫn cố tình cất giấu để sử dụng. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, tương ứng với tính chất vụ án, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần đấu tranh phòng, chống tệ nạn và các tội phạm về ma túy trong đời sống xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hợp tác khai báo với cơ quan điều tra; quá trình sinh sống tại địa phương đã tích cực tham gia với các tổ chức đoàn thể giúp đỡ bà con trong trận lũ lịch sử và trong công tác phòng chống covid nên được

hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên, nhận thức còn có phần hạn chế, nên cần áp dụng các quy định tại Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt, nhằm đảm bảo tính giáo dục, răn đe đồng thời đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử bị cáo 06 - 09 tháng tù không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Bị cáo Trần Văn T khai nhận đã mua số ma túy từ Trần Văn V ở thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, đối chất nhưng Trần Văn V không thừa nhận bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra và xử lý sau.

[4] Về vật chứng vụ án: Khối lượng chất ma túy thu giữ trong vụ án sau khi giám định đã được niêm phong trong phong bì dán kín là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với 01 (một) xe mô tô ATTLA, màu đỏ, mang BKS: 73D1-040.80 mang tên Hồ Thị Bích G đã bán cho bà Phạm Thị T (mẹ bị cáo); bị cáo đã sử dụng làm phương tiện lưu thông trong quá trình tàng trữ ma túy nhưng bà Tuyết không biết nên cần trả lại cho bà Tuyết; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo theo điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, do bị cáo là người chưa thành niên nên mẹ bị cáo phải nộp thay cho bị cáo.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm c khoản 1 Điều 47, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 298; khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### *1. Về tội danh và hình phạt:*

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14 tháng 9 năm 2023.

2. *Về xử lý vật chứng vụ án:* Tịch thu tiêu hủy 0,532 gam mẫu ký hiệu A1 sau khi giám định chứa trong túi nilon, ngoài ghi nội dung “A” và vỏ bao gói được hoàn trả lại sau giám định niêm phong trong phong bì thư dán kín; trả lại 01 (một) xe mô tô ATTLA, màu đỏ, mang BKS: 73D1-040.80 cho bà Phạm Thị T; trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng cho bị cáo Trần Văn T. Tất cả vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh ngày 21 tháng 11 năm 2023.

3. *Án phí sơ thẩm:* Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bà Phạm Thị Tuyết mẹ bị cáo có trách nhiệm nộp thay cho bị cáo.

4. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; người TGTTK;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THA huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Nhàn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**